

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Lương Anh

Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 122/2024/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Phương T, sinh năm: 1999;

Địa chỉ: Số A đường B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Lê Đình Minh D, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Số G N, Phường A, thành phố Đ.

(Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024 và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Phương T trình bày:

Chị và anh D kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố H, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới thời gian đầu anh chị sống chung với nhau ở 17/6/3 đường B phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh D không chăm lo cho kinh tế gia

đình, nên vợ chồng cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh D

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Lê Phạm Kim H, sinh ngày 07/10/2021, hiện nay con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Phạm Kim H. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn anh Lê Đình Minh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh D trong hồ sơ vụ án.

Do anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Còn chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh D. Về con chung chị đề nghị được nuôi con chung là Lê Phạm Kim H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T, cho chị T được ly hôn với anh D. Về con chung: giao con chung Lê Phạm Kim H, sinh ngày 07/10/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Phương T với bị đơn Lê Đình Minh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố H. Nay chị T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh D; hiện nay bị đơn anh D đang sinh sống tại thành phố Đ. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Phương T thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Phương T và bị đơn anh Lê Đình Minh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2021. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là có trên thực tế và hai người đã có 01 con chung.

Theo chị Phạm Phương T thì vợ chồng chỉ hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh D không chăm lo cho kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2023.

Tòa án đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương ngày 16/8/2024 (*bút lục số 20*) thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh D chính quyền địa phương không nắm rõ do chị T, anh D không thông báo chính quyền địa phương cũng như không có đơn yêu cầu hòa giải.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh D vẫn không có mặt tại phiên hòa giải cũng như phiên tòa, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn gia đình.

Mặt khác, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện tháng 10/2023 chị T đã làm đơn ly hôn anh D, sau đó chị T rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 413/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2024 (*bút lục số 01*).

Nay chị T cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay và chị không còn tình cảm với anh D.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có, do đó chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị T xác định chị và anh D có 01 con chung là Lê Phạm Kim H, sinh ngày 07/10/2021 hiện đang ở cùng chị T tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Còn anh D vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì về con chung hay việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung Lê Phạm Kim H đang còn nhỏ, hiện đang ở cùng với chị T, để đảm bảo sự phát triển ổn định mọi mặt của con chung cũng như không làm xáo trộn môi trường sinh sống của con chung nên Hội đồng xét xử cần giao con chung Lê Phạm Kim H, sinh ngày 07/10/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, còn nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Nguyên đơn chị Phạm Phương T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000581 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 55, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Phương T về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với đối với bị đơn anh Lê Đình Minh D. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Phạm Phương T và bị đơn anh Lê Đình Minh D được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Phạm Kim H, sinh ngày 07/10/2021 cho chị Phạm Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Phạm Phương T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000581 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND P.A, Q.D, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Dương Thị Liên